

## ĐẶC TÍNH NGỮ ÂM VÀ ÂM VỊ HỌC

Võ Đại Quang (\*)

### 1. Thành phần của âm đoạn

Âm [ t ] được tạo ra bởi nhiều thao tác cấu âm trong khoang miệng. Cụ thể là: Phải có luồng hơi từ trong phổi chuyển dịch ra ngoài qua khoang miệng, dây thanh phải cách xa nhau để tạo khe hở thanh môn, ngạc mềm được nâng lên và khối lưỡi phải tiếp xúc với vùng lợi. Nếu một trong các yếu tố này bị thay đổi thì sản phẩm được tạo ra sẽ là một âm khác: Khi dây thanh xích lại gần nhau hơn và tạo ra quá trình rung dây thanh thì âm được tạo ra là âm [ d ]; nếu khối lưỡi bị hạ thấp tạo ra khoảng cách hẹp giữa mặt trên của lưỡi và ổ lợi thì âm có được là [ s ]; nếu ngạc mềm được hạ thấp, buộc luồng hơi đi qua khoang mũi thì sẽ có âm mũi.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, các âm thanh lời nói có thể được phân giải thành nhiều thành tố cấu âm hay còn gọi là đặc tính. Các đặc tính này không phụ thuộc lẫn nhau. Khi các đặc tính này được kết hợp theo những cách khác nhau sẽ tạo ra các âm khác nhau. Việc xem xét các đặc tính này sẽ giúp xác định những âm nào là giống nhau, những âm nào có quan hệ hay không có quan hệ với nhau. Chẳng hạn, âm [ t ] và [ d ] chỉ khác nhau ở một trong những đặc điểm về cấu âm như đã trình bày ở trên (trạng thái của dây thanh). Ngoài đặc tính này ra, các đặc tính cấu âm

khác của hai âm này là giống nhau. Hai âm này có thể được nhìn nhận như là hai âm thuộc cùng một lớp hạng (lớp hạng các âm tắc vùng lợi) vì không có âm nào khác có chung những đặc tính cùng xuất hiện đồng thời. Tương tự, nhóm âm [ p, t, k ] tạo thành lớp hạng các âm tắc vô thanh vì chúng chỉ khác nhau về phương diện các bộ phận cấu âm chủ động và thụ động có liên quan trong quá trình tạo ra những âm này. Không giống những nhóm âm trên, hai âm [ t ] và [ v ] khác nhau về nhiều mặt: Trạng thái của dây thanh, bộ phận cấu âm chủ động (khối lưỡi và đầu lưỡi), bộ phận cấu âm thụ động (ổ lợi và răng trên) và khoảng cách giữa các bộ phận cấu âm. Những đặc tính giống nhau giữa hai âm trên chỉ là hướng của luồng hơi và vị trí được nâng lên của ngạc mềm. Hai âm này không tạo thành một lớp hạng riêng vì nhiều âm khác cũng có những đặc tính này, chẳng hạn như [ f, d, s, z, k, g ]. Đối với người nghiên cứu, khả năng có thể xem xét các lớp hạng này một cách trực tiếp trở nên rất hữu ích bởi vì các quá trình âm vị học, về căn bản, liên quan đến các kiểu phân nhóm hồi quy này. Các nhóm âm không xuất hiện thường xuyên không tạo thành các lớp hạng. Chẳng hạn, hiện tượng mũi hóa (nasalisation) chỉ ảnh hưởng đến các nguyên âm và âm làm này sinh quá trình mũi hóa chỉ có thể là các âm mũi. Không

\* TS. Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Anh-Mỹ, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội

giống với các nhóm âm được tập hợp một cách ngẫu nhiên khác, các nguyên âm và âm mũi mỗi loại đều tạo thành hai lớp hạng tự nhiên (natural classes). Các lớp hạng này có thể bao gồm một số âm nhất định, từ hai âm đến nhiều âm. Số lượng các âm trong mỗi nhóm càng nhỏ thì giữa chúng càng có nhiều đặc tính giống nhau.

## 2. Sự đối lập giữa đặc tính ngữ âm và âm vị học

Để miêu tả tính chất của các âm đoạn và các lớp hạng một cách thích hợp, thay vì những tham số rời rạc, lỏng lẻo, cần phải có một tập hợp các đặc tính được hình thức hóa và tinh tế hơn. Những đặc tính đó là gì? Nếu xem xét các đặc tính cần phải có để miêu tả tính chất của các vị trí cấu âm, một hướng tiếp cận khả hữu là xác lập các

[i]	[p]	}	[t]	}	[d]	}
	+ bilabial		- bilabial		- bilabial	
	- labiodental		- labiodental		- labiodental	
	- dental		- dental		- dental	
	- alveolar		+ alveolar		- alveolar	
	- palatal		- palatal		- palatal	
	- velar		- velar		+ velar	
	- uvular		- uvular		- uvular	

Trong các tập hợp (matrices) này, mà trong mỗi tập hợp là danh sách tất cả các đặc tính cấu âm, các vị trí cấu âm được nhìn nhận như là hoàn toàn tách bạch với nhau. Sự bất cập của cách nhìn nhận này là: Đa số các lớp hạng chỉ có thể được xác định theo giá trị "-"; nhiều lớp hạng khả hữu là tập hợp các âm đoạn được phân loại mang giá trị "+" đối với một đặc tính nào đó. Ví dụ: Tất cả các âm đoạn, trừ các âm [p, b, m], đều mang giá trị [- bilabial], và do vậy, có thể tạo thành một lớp hạng suy định (putative natural class). Vấn đề nảy sinh ở đây là, trong khi các lớp hạng được

đặc tính dựa vào tên gọi của các vị trí cấu âm như [bilabial], [dental], [alveolar], [palatal], [velar], [uvular], v.v..., phân nhóm âm thanh lời nói theo các vị trí cấu âm đó và chỉ rõ các giá trị "+" hoặc "-" đối với mỗi đặc tính. Nếu đặc tính đó là một phần trong việc phân loại âm đoạn thì đặc tính này mang giá trị "+". Ngược lại, nếu nó không phải là một phần của sự phân loại thì âm đoạn đang được xếp loại mang giá trị "-" về đặc tính đó. Một đặc tính chỉ có hai giá trị ("+" hoặc "-") là đặc tính lưỡng phân (binary feature). Do vậy, tính chất [p], [t], [k] có thể được biểu hiện dựa vào danh sách các đặc tính lưỡng phân như vậy. Mỗi âm có thể mang giá trị "+" hoặc "-" của các đặc tính đó. Quan sát sơ đồ sau:

xác định theo giá trị "+" (như [+ alveolar], [+ bilabial]) là loại nhóm âm đoạn có thể được xem xét trong phân tích âm vị học thì các nhóm âm được xác định theo giá trị "-" (như [- velar], [- palatal]) lại không cần thiết được xem xét trong phân tích âm vị học. Ngoài ra, không có phương thức nào để quy chiếu đến một số nhóm âm thực sự cần thiết trong phân tích như các nhóm đa vị trí cấu âm. Chẳng hạn, các âm môi - môi (bilabial) và môi - răng (labiodental) có thể được phân loại là những âm môi (labial) nhưng không có các kết hợp về sự xướng danh đặc tính cấu âm (articulatory feature) để tách hai âm này với nhau.

Một vấn đề bất cập khác của hướng tiếp cận này là nó tạo ra nhiều kết hợp đặc tính không cần thiết trong các ngôn ngữ, thậm chí là không thể cấu âm. Bởi vì mỗi

(ii)

+ bilabial  
- labiodental  
+ dental  
- alveolar  
+ palatal  
- velar  
+ uvular

- bilabial  
- labiodental  
- dental  
- alveolar  
- palatal  
- velar  
- uvular

+ bilabial  
+ labiodental  
+ dental  
+ alveolar  
+ palatal  
+ velar  
+ uvular

Đây là những tập hợp không hợp lý vì chúng đòi hỏi bộ phận cấu âm chủ động phải cùng một lúc có mặt ở nhiều vị trí cấu âm (hoặc không ở vị trí cấu âm nào). Mục đích của người nghiên cứu là khái quát hóa, một cách càng tiết kiệm càng tốt, về cấu trúc âm vị học và đồng thời, không để ngỏ khả năng cho những lời khẳng định không cần thiết về cấu trúc âm vị học. Điều này có nghĩa là, những đặc tính như đã nêu trên đây là không phù hợp. Vì vậy, cần phải đề nghị một nhóm các đặc tính khác phù hợp hơn. Nhóm đặc tính này phải có khả năng chỉ ra càng nhiều càng tốt những khái quát hóa về hoạt động của âm thanh trong ngôn ngữ, hay nói cách khác,

(iii)

+ anterior  
- coronal

LABIALS

[p, b, f, v]

+ anterior  
+ coronal

ALVEOLARS

DENTALS

[t, d, s, z, θ, ð]

- anterior  
+ coronal

PALATALS

[j, ʃ, ʒ, tʃ, dʒ]

- anterior  
- coronal

VELARS

UVULARS

[k, g, x, R]

Cần phải có nhiều đặc tính khác để tạo ra những khu biệt trong các nhóm ở sơ đồ (iii). Với sơ đồ này, những bất cập ở sơ đồ (i) và (ii) đã được giải quyết: Có thể có được những phân nhóm lớn hơn (Chẳng hạn, các âm răng, âm lợi, âm ngạc cứng là những

đặc tính như vậy hoặc mang giá trị "+" hoặc "-" cho nên không có nhân tố nào trong hệ thống có thể cản trở việc tạo lập các hệ thống như ở tập hợp (ii) dưới đây

là về các hệ thống âm thanh mà không rơi vào trạng thái cực đoan như trong sơ đồ (i) và (ii) trên đây. Như vậy là, cần phải có một tập hợp các đặc tính âm vị học ít cụ thể hơn, ít "ngữ âm" hơn, trừu tượng hơn. Cách thức mà các nhà âm vị học thường sử dụng để biểu hiện những vị trí cấu âm chủ yếu là sử dụng các đặc tính lưỡng phân: [anterior] (Các âm [+ anterior] là những âm được cấu tạo ở vùng từ ổ lợi trở ra) và [coronal] (Các âm [+ coronal] được cấu tạo ở khoảng giữa răng và ngạc cứng). Hai đặc tính này tạo ra bốn khả năng kết hợp. Mỗi kết hợp này biểu hiện một nhóm âm thanh như trong sơ đồ (iii) sau đây:

âm mang đặc tính [+ coronal]) và không có những đặc tính không được sử dụng. Việc khái quát hóa và lập thức các hệ thống âm thanh của các ngôn ngữ có thể được thực hiện mà không cần đến các nhóm đặc tính dư thừa vô ích. Như vậy là, chỉ bằng hai

đặc tính âm vị học trên (cor; ant), rất nhiều vấn đề đã có thể được làm sáng rõ trong việc nghiên cứu hệ thống âm thanh của ngôn ngữ.

### 3. Lập biểu đồ các đặc tính

Như phần trên đã trình bày, cần phân biệt các đặc tính ngữ âm với các đặc tính âm vị học. Các đặc tính ngữ âm là những đặc tính tương ứng với các sự kiện cấu âm và các đặc tính vật lý (âm học). Các đặc tính âm vị học cho phép người nghiên cứu nhìn ra ngoài các âm đoạn riêng lẻ để phát hiện các quy luật trong hệ thống âm thanh của ngôn ngữ.

Một trong những mục tiêu của ngôn ngữ học là xác định các đặc tính phổ quát của ngôn ngữ nhân loại. Về phương diện các đặc tính âm vị học, điều này có nghĩa là cần phải xác lập tập hợp các đặc tính cần thiết để mô tả tính chất của âm thanh lời nói trong các ngôn ngữ trên thế giới. Có thể giả định rằng, có một tập hợp các đặc tính phổ quát với số lượng hữu hạn các yếu tố, và mỗi ngôn ngữ cụ thể đòi hỏi một tập hợp nhỏ trong tập hợp các đặc tính phổ quát có số lượng hữu hạn này.

Âm thanh lời nói có thể được phân thành hai lớp hạng chính: phụ âm và nguyên âm. Những âm này có thể được chia tiếp thành âm các âm ỏn (obstruents), âm vang (sonorants), nguyên âm (vowels) và âm lướt (glides). Nếu mục tiêu của việc nghiên cứu là đạt đến sự khái quát cao nhất thì cần xây dựng một tập hợp đơn nhất các đặc tính được sử dụng để mô tả tính chất của các âm đoạn, thay thế cho hai tập hợp đặc tính mà trong đó một tập hợp được sử dụng để mô tả các phụ âm và tập hợp còn lại dành cho việc mô tả các nguyên âm. Một

cách làm khả thi là, chia âm thanh lời nói thành các âm ỏn, âm vang, nguyên âm, và âm lướt trên cơ sở các đặc tính chủ yếu liên quan đến tất cả các âm thanh lời nói. Đồng thời, dựa vào các tiểu nhóm đặc tính để mô tả kỹ hơn các nguyên âm và phụ âm. Như vậy là, hệ thống âm vị học sử dụng một tập hợp đơn nhất có đầy đủ các đặc tính mà trong đó một số đặc tính chỉ liên quan đến các phụ âm và những đặc tính khác chỉ liên quan đến các nguyên âm.

#### 3.1. Những đặc tính chung của các lớp hạng

Nhóm khu biệt đầu tiên cần thiết là sự khu biệt giữa các lớp hạng chính của âm thanh lời nói là: phụ âm và nguyên âm, âm vang và âm ỏn. Sau đây một số ví dụ minh họa các âm đoạn và đặc tính trong tiếng Anh tiêu chuẩn (RP):

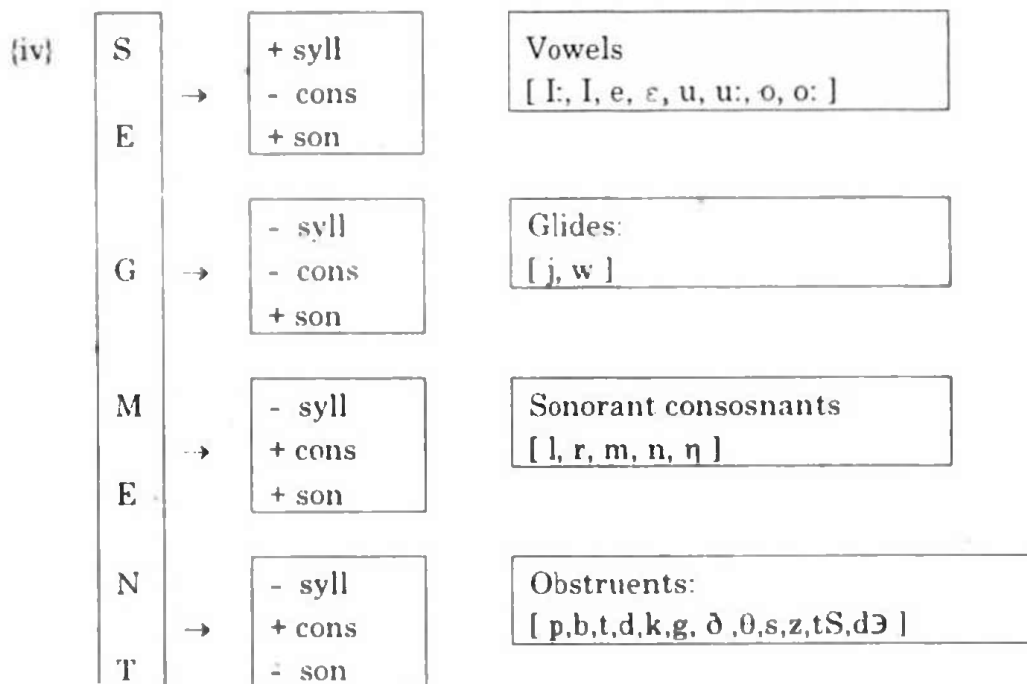
3.1.1. Đặc tính [+ / - syllabic] cho phép phân biệt nguyên âm và những âm khác như sau:

Các âm [+ syllabic] là những âm thực hiện chức năng là hạt nhân của âm tiết. Ví dụ: [æ] trong "rabbit". Các âm mang đặc tính [- syllabic] là những âm không thực hiện chức năng hạt nhân trong âm tiết. Ví dụ: [b], [r] và [t] trong "rabbit". Cần lưu ý rằng, trong một số chu cảnh, một số âm đoạn không phải nguyên âm cũng mang đặc tính [+ syllabic] như những âm lỏng (liquid) và âm mũi (nasal) sau: [l] ở cuối từ "little" và [n] cuối từ "garden".

3.1.2. Các âm mang đặc tính [+ / - consonantal] giúp phân biệt giữa các phụ âm "chân chính" (âm ỏn, âm lỏng và âm mũi) với các nguyên âm và âm lướt (glides) như sau: Các âm mang giá trị [+ cons] là những âm được tạo ra nhờ sự chít hẹp luồng hơi trong khoang miệng như âm [p].

[l], [t] trong từ "palate" [pælɪt]; Những âm mang giá trị [- cons] là những âm được tạo ra nhờ sự hạn chế luồng hơi như [j] và [ɛ] trong [jɛs].

3.1.3. Đặc tính [+ / - sonorant] cho phép phân biệt các âm lỏng, âm trượt, nguyên âm, âm mũi với các nổ, âm xát và tắc - xát như sau: Những âm mang giá trị [+ sonorant] là những âm thể hiện một mô hình focc-mãng rõ nét như âm [n], [j] và [u:] trong từ [nju:ts]



### 3.2. Các đặc tính của phụ âm

Sau khi đã xác lập những khu biệt chính giữa nguyên âm, âm lướt, phụ âm vang và phụ âm ồn, cần thiết phải có những đặc tính khác để phân biệt các âm đoạn trong từng lớp hạng chủ yếu này. Khi xem xét các đặc tính liên quan đến các phụ âm, có thể thấy rằng có nhiều đặc tính cụ thể có thể được sử dụng như là những cơ sở để mô tả tính chất của của các âm. Đặc tính đầu tiên cần xét đến là "tiếng thanh ([voice]):

Những âm mang giá trị [- sonorant] là những âm không có mô hình focc-mãng rõ nét như âm [t] và [s] trong [nju:ts].

Việc kết hợp ba đặc tính này đem lại sự khu biệt cần thiết trong số các lớp hạng âm đoạn chính. Cụ thể là: nguyên âm, âm trượt, phụ âm âm vang và âm ồn. Sơ đồ (iv) sau đây chỉ rõ sự phân loại các âm của tiếng Anh dựa vào ba lớp đặc tính trên:

Các phụ âm có đặc tính [+ / - voice] là những âm gắn với quá trình rung hoặc không rung của dây thanh trong thanh quản. Những âm mang giá trị [+ voice] là những âm được cấu tạo với luồng hơi đi qua thanh môn. Trong thanh môn, các dây thanh gắn sát nhau ở mức độ có thể rung. Những âm được tạo ra theo phương thức này là các âm lướt, âm vang và phụ âm ồn hữu thanh. Ví dụ: [m\*], [n], [d], ... Các âm mang giá trị [- voice] là những âm mà trong quá trình cấu tạo chúng dây thanh không rung. Những âm mang đặc tính này

chủ yếu là các phụ âm ồn. Ví dụ: [ s ], [ p ], [ tS ] ...

### 3.3. Những đặc tính về vị trí cấu âm

3.3.1. Đặc tính [+ / - coronal] (vành lưỡi) được sử dụng để phân biệt với các âm khác những âm đoạn mà trong quá trình cấu âm chúng có sự tham gia của phần trước của lưỡi (front of the tongue). Đó là các âm răng, âm ổ lợi và âm ngạc cứng. Những âm mang giá trị [+ coronal] được cấu tạo với sự nâng lên của đầu lưỡi hoặc khối lưỡi (tongue blade). Ví dụ: [ t ], [ d ], [ l ], ... Cần lưu ý rằng, một số nhà âm vị học cho rằng các âm ngạc cứng là những âm vành lưỡi trong khi một số khác không xếp chúng vào lớp hạng này mà coi chúng là các âm mang giá trị [- coronal]. Những âm mang giá trị [- coronal] là những âm mà phần trước của lưỡi không tham gia vào quá trình cấu âm chúng. Ví dụ: [ p ], [ b ], ... Sau đây là danh sách các âm liên quan đến đặc tính [+ / - coronal]:

[+ coronal]: [ j, l, r, n, m, t, d, s, z, ð, θ, S, ʒ, tS, dʒ ]

[- coronal]: [ w, m, ŋ, k, g, h, f, v, p, b ]

3.3.2. Đặc tính [+ / - anterior] giúp phân biệt với các âm khác những âm được cấu tạo ở phần trước của miệng. Những âm đó là các âm môi, răng, lợi. Các âm mang giá trị [+ ant] được cấu tạo tại ổ lợi hoặc trước ổ lợi, chẳng hạn như âm [ s ] hoặc [ n ] trong từ "snake". Những âm mang đặc tính [- ant] được cấu tạo ở phần sau của khoang miệng, ngoại vùng ổ lợi. Ví dụ: âm [ k ] và [ dʒ ] trong từ "cage". Ở đây, cần lưu ý rằng [ w ] được coi là âm mang đặc tính [- ant]. Sau đây là các âm có liên quan đến đặc tính [+ / - ant]:

[+ ant]: [ l, r, n, m, t, d, ð, θ, s, z, v, f, p, b ]

[- ant]: [ j, w, ŋ, S, ʒ, tS, dʒ, k, g, h ]

Việc kết hợp hai tiêu chí này sẽ đem lại bốn lớp âm đoạn tự nhiên như sau:

LABIALS: [- cor, + ant]: [ m, v, f, p, b ]

DENTALS / ALVEOLARS: [+ cor, +ant]: [ l, r, n, t, d, s, z, ð, θ ]

ALVEOPALATALS/PALATALS: [+ cor, - ant]: [ j, S, ʒ, tS, dʒ ]

VELARS / GLOTTALS: [-cor, -ant]: [ w, ŋ, k, g, h, ʔ ]

### 3.4. Đặc tính về phương thức cấu âm

Những đặc tính được trình bày trong phần này là: [continuant], [nasal], [strident], [lateral], [delayed release].

3.4.1. Đặc tính [+ / - continuant] phân biệt các âm tắc với các âm khác. Những âm mang giá trị [+ continuant] là những âm mà trong quá trình sản sinh chúng luồng hơi tồn tại sau khi các bộ phận cấu âm tiếp xúc với nhau thoát tự do và có thể kéo dài trong khoang miệng. Ví dụ: [ f ], [ S ]. Các âm [- continuant] là những âm có luồng hơi bị tắc lại trong khoang miệng, bao gồm âm nổ và âm mũi như [ m ] và [ p ].

[+ continuant]: [ j, w, l, r, s, z, f, v, h, S, ʒ, ð, θ ]

[-continuant]: [ n, m, ŋ, t, d, k, g, p, b, tS, dʒ ]

Các nhà nghiên cứu có ý kiến khác nhau về đặc tính của âm [ l ]. Trong các tài liệu ngữ âm cổ điển, [ l ] được coi là mang giá trị [- continuant]. Trong các tài liệu gần đây, âm này được coi là có giá trị [+ cont] do có luồng hơi có thể được kéo dài. Đồng thời, nó cũng được coi là có đặc tính [- cont] do luồng hơi bị cản trở vùng giữa lưỡi.

3.4.2. Đặc tính [+ / - nasal] phân biệt các âm mũi và những âm không phải âm

mũi. Các âm mang giá trị [+ nasal] được cấu tạo với ngạc mềm hạ thấp và theo sau đó là luồng hơi đi qua khoang mũi, như âm [ n ] trong “nasal”. Những âm được cấu tạo với luồng hơi không đi qua khoang mũi đều mang giá trị [- nasal]”

[+ nasal]: [ m, n, ŋ ]

[- nasal]: [ j, w, l, r, t, d, θ, ð, s, z, g, h, p, b, f, v, S, ʒ, tʃ, dʒ ]

3.4.3. Đặc tính [+ / - strident] tách các âm có luồng hơi hỗn loạn với các âm khác. Các âm [+ strid] được tạo ra nhờ sự nén luồng hơi phức hợp tạo ra tiếng ồn (noise) hoặc tiếng xuyt (hissing), chẳng hạn như âm [ S ] trong từ “she”. Các âm [- strid] là những âm không có luồng hơi bị nén như vậy.

[+ strident]: [ s, z, f, v, S, ʒ, tʃ, dʒ ]

[- strident]: [ j, w, l, r, m, n, ŋ, t, d, θ, ð, k, g, h, p, b ]

3.4.4. Đặc tính [+ / - lateral] tách âm [ l ] khỏi những âm khác, và do vậy có khả năng phân biệt [ l ] với [ r ] trong khi hai âm này cùng có chung tất cả những đặc điểm khác. Các âm [+ lateral] được cấu tạo với luồng hơi bị chặn lại ở phần trung tâm của lưỡi và luồng hơi thoát ra ngoài ở hai bên mép lưỡi. Đặc tính [- lateral] được sử dụng để chỉ những âm không được cấu tạo theo phương thức trên:

[+ lateral]: [ l ]

[- lateral]: [ j, w, r, n, m, ŋ, t, d, θ, ð, k, g, h, p, b, v, f, s, z, S, ʒ, tʃ, dʒ ]

3.4.5. Đặc tính [+ / - del rel] phân biệt các âm tắc - xát với những âm khác. Các âm mang đặc tính [+ del rel] được cấu âm với luồng hơi bị đóng trong khoang miệng và ngay sau đó là sự chít hẹp luồng hơi đến mức tạo ra tiếng xuyt ở cùng một vị trí cấu

âm. Những âm không được cấu âm theo phương thức này là những âm mang đặc tính [- del rel]:

[+ del rel]: [ tʃ, dʒ ]

[- del rel]: [ j, w, r, n, m, t, d, s, z, k, g, h, f, v, p, b, θ, ð, S, ʒ, tʃ, dʒ, ŋ ]

### 3.5. Các đặc tính của nguyên âm

Nguyên âm cần được phân biệt dựa vào các tiêu chí như khoảng cách từ mặt trên của lưỡi và vòm miệng, vị trí mà môi lưỡi chiếm giữ trong khoang miệng, độ tròn môi, và trường độ. Để khu biệt, có thể sử dụng các đặc tính như [high], [low], [back], [front], [round], [tense] và [Advanced Tongue Root]. Các đặc tính này cũng có thể được sử dụng để mô tả các phụ âm.

3.5.1. Đặc tính [+ / - high] phân biệt các nguyên âm hẹp / cao (close / high) với các nguyên âm khác. Các nguyên âm mang đặc tính [+ high] được phát âm với thân lưỡi nâng cao hơn vị trí “trung hòa” (neutral). Các nguyên âm không được cấu âm với thân lưỡi nâng lên là những âm mang đặc tính [- high]:

[+ high]: [ i:, i, u, u: ]

[- high]: [ o, o:, ə, a:, ʌ, æ, ɛ, ɛ:, ɔ:, ɔ: ]

3.5.2. Đặc tính [+ / - low] phân biệt các nguyên âm thấp / mở (low / open) với các âm khác. Các âm mang giá trị [+ low] được phát âm với thân lưỡi hạ thấp so với vị trí trung hòa. Các âm mang giá trị [- low] là những âm không được phát âm với thân lưỡi hạ thấp.

[+ low]: [ æ, a:, o, ʌ ]

[- low]: [ i:, i, u, u:, o, o:, ɛ, ɛ:, ɔ:, ɔ: ]

Tất cả các phụ âm tiếng Anh, trừ hai âm [ h ] và [ ? ] (tắc thanh hầu), đều là mang đặc tính [- low].

3.5.3. Đặc tính [+ / - back] phân biệt nguyên âm hàng sau với các nguyên âm

khác. Nguyên âm mang giá trị [+ back] là những âm được cấu âm với khối lưỡi co lùi về phía sau so với vị trí trung hòa. Giá trị [- back] được sử dụng để mô tả các nguyên âm được phát âm với vị trí của lưỡi không co lại về phía sau. Tất cả các phụ âm tiếng Anh, trừ các âm ngạc mềm, đều mang đặc tính [- back] này.

[+ back]:	[ u, u:, o, o:, a, a: ]
[- back]:	[ i:, i, ʌ, ə, ɜ:, æ, ɛ ]

3.5.4. Đặc tính [+ / - front] được sử dụng để phân biệt các âm được cấu âm ở phần trước với các âm được cấu tạo ở phần sau trong khoang miệng. Nguyên âm mang giá trị [+ front] là những âm mà trong quá trình cấu âm thân lưỡi bị đẩy về phía trước vị trí trung hòa. Giá trị [- front] được dùng để chỉ những âm không được cấu âm theo phương thức trên. Các âm mang đặc tính [- front] bao gồm cả nguyên âm hàng giữa và nguyên âm hàng sau:

[+ front]:	[ i:, i, æ, ɛ ]
[- front]:	[ u, u:, o, o:, a:, ʌ, ə, ɜ: ]

Việc kết hợp hai đặc tính [back] và [front] cho phép mô tả tính chất của các nguyên âm hàng giữa như [ə, ʌ].

3.5.5. Đặc tính [+ / - round] phân biệt các âm tròn môi và không tròn môi. Âm mang giá trị [+ round] là những âm được cấu tạo với hai môi tròn. Những âm không được cấu tạo theo phương thức như vậy là âm mang đặc tính [- round]. Tất cả các phụ âm tiếng Anh, trừ âm [w], đều là âm không tròn môi.

[+ round]:	[ u, u:, o, o: ]
[- round]:	[ i:, i, a:, ʌ, ə, ɜ:, æ, ɛ ]

3.5.6. Đặc tính [+ / - tense] có thể được sử dụng để phân biệt nguyên âm dài với nguyên âm ngắn. Đặc tính này thường không được coi là có liên quan đến các phụ âm. Các âm [+ tense] được cấu âm với sự căng cứng của cơ trong khối lưỡi so với trạng thái trung hòa của nó. Sự căng cứng này tạo ra các âm được kéo dài và ở phần ngoại vi trong khoang miệng. Các âm mang giá trị [- tense] là những âm được thực hiện mà không có sự căng cứng của cơ vùng lưỡi. Các âm được tạo ra là những âm ngắn và luồng hơi thoát ra theo vùng giữa của lưỡi.

[+ tense]:	[ i:, u:, o:, ɜ: ]
[- tense]:	[ i, u, o, æ, ʌ, ə, ɛ ]

3.5.7. Đặc tính [+ / - Advanced Tongue Root] được sử dụng để phân biệt các nguyên âm được phát âm với gốc lưỡi bị co về phía trước. Các âm [+ ATR] được sản sinh với gốc lưỡi bị đẩy về phía trước rồi vị trí trung hòa của nó trong khoang miệng và do vậy, thân lưỡi cũng bị nâng lên. Những âm không được cấu âm theo phương thức đó mang đặc tính [- ATR]. Việc nhận diện đặc tính này đặc biệt hữu ích trong việc mô tả một số ngôn ngữ ở Tây Phi và các ngôn ngữ khác mà trong các ngôn ngữ này tồn tại hiện tượng "hài hòa nguyên âm" (vowel harmony). Đặc tính này đôi khi được sử dụng để mô tả tiếng Anh khi cần khu biệt các âm mang đặc tính [tense] bởi vì việc đẩy gốc lưỡi về phía trước cũng đồng thời gây ra quá trình nâng thân lưỡi về phía vòm miệng. Vì vậy, đặc tính [Advanced Tongue Root] có thể được coi là tương đồng với đặc tính [tense].



### 3.6. Một số nhận xét về các đặc tính ngữ âm và âm vị học đã trình bày ở trên

Trên đây là tập hợp các đặc tính thường được sử dụng trong các giáo trình Ngữ âm và Âm vị học. Nhưng, cũng cần phải nói thêm rằng, không phải là không có những "vấn đề" cần được bổ sung, hoàn thiện về tập hợp các đặc tính này. Việc đơn thuần chỉ sử dụng các đặc tính khu biệt này có thể để sót những tính chất nhất định trong hệ thống nguyên âm của các ngôn ngữ trên thế giới. Ví dụ: Có một số cách giải thích dựa vào đặc tính [back] để mô tả tính chất của của trục ngang trong khoang miệng. Nhưng cách làm này gây ra những khó khăn nhất định đối với các ngôn ngữ có nguyên âm trung hòa (neutral) như âm [ʌ] và âm [ɜ] trong tiếng Anh bởi vì, trong khoang miệng, chỉ có thể có hai vị trí [+ back] và [- back]. Tương tự, trong khi các đặc tính [high] và [low] kết hợp để mô tả phương thẳng đứng (vertical dimension) thì chúng chỉ có thể cho phép thể hiện ba cao độ (không thể có được kết hợp [+ high, + low] vì lưỡi không thể cùng một lúc ở cả hai vị trí này). Như vậy, tiêu chí này chưa hoàn toàn hữu hiệu trong việc mô tả những ngôn ngữ có các nguyên âm ở cả ba độ cao (high, high-mid, low-mid, low). Đặc tính [tense] cũng là đặc tính cần được tiếp tục xác định thêm cả về tính chất âm học cũng như những khu biệt mà nó có khả năng thực hiện: Trong khi nó có khả năng phân biệt âm [i:] với âm [i]

trong tiếng Anh vì, trong tiếng Anh, những âm này sở hữu cả độ dài (length) và chất âm (quality) thì nó lại không phù hợp với một số ngôn ngữ khác như tiếng Đan Mạch chẳng hạn. Trong tiếng Đan Mạch, không có sự phân biệt về tính chất "căng" của âm [i:] và [i] mà chỉ có sự phân biệt về trường độ (length).

## 4. Kết luận

**4.1.** Trong nghiên cứu về hệ thống âm thanh của ngôn ngữ, cần có sự phân biệt giữa các đặc tính vật lý của ngữ âm thuộc phạm trù bản thể và các đặc tính trừu tượng, thuộc phạm trù nhận thức (các đặc tính âm vị học). Sự phân biệt này giúp đạt đến sự khái quát cao hơn về những quy luật hoạt động của các âm đoạn trong diễn ngôn.

**4.2.** Bằng việc sử dụng các đặc tính âm vị học như đã trình bày ở trên, người nghiên cứu có thể nhận diện một cách hình thức các lớp hạng âm thanh tự nhiên như là những âm có chung những đặc tính nhất định. Ví dụ: Các âm tiếng Anh [p, t, k, g, b, d] có chung đặc tính [+ consonantal; - continuant; - delayed release]. Không có âm nào khác trong tiếng Anh có thể được phân nhóm như vậy.

**4.3.** Các âm đoạn là những phức thể vật lý với những đặc tính âm học nhất định. Nói cách khác, một âm đoạn có thể được nhìn nhận như là một thực thể bao gồm một tập hợp các đặc tính. Ví dụ: Âm [p] có thể được nhìn nhận như là bao gồm các đặc tính sau:

[p]

- syll; + cons; - son; - cor; + ant; - cont; - nas; - stri;  
- lat; - del rel; - high; - lo; - back; - round; - voice

4.4. Việc phân loại các âm đoạn theo tập hợp các đặc tính chữ không dựa vào từng đặc tính riêng lẻ đem lại sự khái quát hóa cao về hoạt động của âm thanh trong từng ngôn ngữ cụ thể cũng như trong ngôn

ngữ tự nhiên nói chung. Cùng bảng phương thức này, sự khái quát hóa có thể được thể hiện một cách tiết kiệm và tinh tế hơn trong các quy tắc âm vị học.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chomsky, N. & Morris Halle. *The sound pattern of English*, Harper & Row, New York, 1968.
2. Conner, J.D.O., *Better English Pronunciation*, Cambridge University Press, 1991.
3. Durand, J. & Francis Kantamba. *Frontiers of Phonology*, Longman, London, 1995.
4. Durand, J. *Generative and non-linear phonology*, Longman, London, 1990.
5. Gimson, A.C., *An introduction to the pronunciation of English*, Edward Arnold, London, 1970.
6. Gimson, A.C., *The pronunciation of English*, Arnold, London, 1994.
7. Halliday, M.A.K. *Spoken and written language*, Deakin University, 1988.
8. Jones, D., *The Pronunciation of English*, Cambridge University Press, 1998.
9. Kaye, J. *Phonology: A cognitive view*, Lawrence Erlbaum, Hillsdale, NJ, 1989.
10. Kenstowicz, M. *Phonology in generative grammar*, Blackwell, Oxford, 1994.
11. Ladd, D.R., *Intonational Phonology*, Cambridge University Press, 1996.
12. Ladefoged, P., *A course in phonetics*, Harcourt Brace, New York, 1993.
13. Ladefoged, P., *Elements of acoustic phonetics*, University of Chicago Press, Chicago, 1996.
14. Laver, J. *Principles of phonetics*, Cambridge University Press, Cambridge, 1994.
15. Vương Hữu Lễ, Hoàng Dũng, *Ngữ âm tiếng Việt*, NXB Trường ĐHSPHN 1, Hà Nội, 1994.
16. Roach, P., *English Phonetics and Phonology*, Cambridge University Press, Cambridge, 1988.
17. Đoàn Thiện Thuật, *Ngữ âm tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1999.

VNU, JOURNAL OF SCIENCE, Foreign Languages, T. XIX, N<sub>2</sub>, 2003

### PHONETIC AND PHONOLOGICAL FEATURES

**Dr. Vo Dai Quang**

*Department of English-American Language and Culture  
College of Foreign Languages- VNU*

This article is focused on the distinctions between the actual and generalised cognitive acoustic features of speech sounds. With these distinctions, an insight can be gained into how different classes of natural speech sounds can be formally identified. Any speech segment is a complex possessing certain physical features. A speech sound classification, which is based on matrices of features rather than on individual features, would provide an elaborated, but more generalised, account of how natural language works as a system of phonic signs employable as a means of verbal communication.